TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Vũ Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 394/2022/HNGĐ-TLST ngày 19/12/2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/03/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2023/QĐ-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn A,** sinh năm 1973.

Địa chỉ:Thôn Q, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn : Bà **Phùng Thị Th**, sinh năm 1977.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã L, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. Người làm chứng: Chị **Nguyễn Thị Kiều Tr**, sinh năm 2001.

HKTT: Thôn Q, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt (Anh A có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn A trình bày tại đơn xin ly hôn, bản tự khai:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phùng Thị Th tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 30/9/1996. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Do kinh tế khó khăn, tháng 4/2013 bà Th đi Đài Loan lao động, khi hết hợp đồng lao động năm 2016 bà Th đã về Việt Nam, vợ chồng sống hòa thuận. Khoảng 2 tháng sau khi về nước, bà Th tiếp tục sang Đài Loan lao động, từ khi đi đến nay bà Th chưa về Việt Nam lần nào. Vợ chồng cũng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Ông và bà Th có ba con chung là Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 13/3/1998, Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 25/11/2001 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2008. Hiện tại cháu Tr, cháu A đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu T đang học lớp 9 và ở với ông. Khi ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi cháu T và không yêu cầu bà Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà Phùng Thị Th hiện nay đang lao động tại Đài Loan, do ông A không cung cấp được địa chỉ của bà Th nên Tòa án xác minh qua người thân của bà Th. Hiện nay, bố mẹ của bà Th đều đã chết. Tòa án tiến hành lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Kiều Tr (là con đẻ của bà Th và ông A). Chị Tr trình bày: Mẹ chị đi Đài Loan lao động từ năm 2016 đến nay chưa về, do lâu ngày bố mẹ sống xa nhau dẫn đến xảy ra mâu thuẫn. Việc bố chị có đơn xin ly hôn đã thông báo cho các con biết và chị đã thông tin cho mẹ chị biết. Chị Tr cho biết bà Th đã biết việc ông A có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Bà Th có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn; về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Do điều kiện không về được Việt Nam nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Cháu Nguyễn Anh Tú là con chung của ông A và bà Th, có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Theo thông tin của Cục xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 715/QLXNC-P5 ngày 10 tháng 01 năm 2023 thể hiện: Bà Phùng Thị Th, sinh ngày 06/10/1977 tại Hải Dương, sử dụng hộ chiếu số B7793568 để xuất cảnh ngày 27/09/2016 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, ông A, bà Th, chị Tr đều vắng mặt (ông A có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của ông A và bà Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho ông Nguyễn A ly hôn bà Phùng Thị Th; Về con chung: Giao con Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2008 cho ông Nguyễn A chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của ông A không yêu cầu bà Th cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Ông A phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn A có đơn ly hôn với bà Phùng Thị Th là người Việt Nam, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn Q, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, ông A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phùng Thị Th hiện nay đang lao động tại Đài Loan. Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn ông A và những người thân thích của bà Th đều không cung cấp được địa chỉ ở nước ngoài của bị đơn. Hiện nay, bố mẹ của bà Th đều đã chết. Tòa án tiến hành lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Kiều Tr (là con đẻ của bà Th và ông A) xác định bà Th vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị Tr. Chị Tr đã thông báo cho bà Th về việc ông A đang khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung. Tuy nhiên, bà Th vẫn không cung cấp địa chỉ hiện tại của mình. Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* ông Nguyễn A và bà Phùng Thị Th tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 30/9/1996, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng lâu ngày không gặp nhau mỗi người sống một nơi, dẫn đến bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Nay ông A xác định tình cảm vợ

chồng không còn, thông qua gia đình bà Th cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy, hôn nhân của ông A và bà Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, vợ chồng có thời gian dài sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho ông A ly hôn với bà Th là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình và hướng dẫn Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

- *Về con chung:* Ông Nguyễn A và bà Phùng Thị Th có 03 con chung là Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 13/3/1998, Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 25/11/2001 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2008. Đến nay, chị A, chị Tr đã trưởng thành nên không phải xem xét. Cháu T đang ở với ông Nguyễn A. Nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi cháu T. Xét thấy, hiện nay bà Th đang ở nước ngoài, không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Trong thời gian bà Th đi nước ngoài, cháu T ở với ông A được học tập và phát triển tốt, bản thân cháu T có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung, cần tiếp tục giao cháu T cho ông A chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của ông A không yêu cầu bà Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51,Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A. Xử cho ông Nguyễn A ly hôn bà Phùng Thị Th.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2008 cho ông Nguyễn A chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của ông A không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phùng Thị Th được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Nguyễn A phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) ông A đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003606 ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Ông A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn A, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Phùng Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã L;TP. C;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn